

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2026

LỊCH THI CÁC LỚP THỰC TẾ CHÍNH TRỊ/KINH TẾ- XÃ HỘI, KIẾN TẬP NGHIỆP VỤ
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian học	Ngày thi	Phòng thi	Lớp hành chính
1	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.1	36	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	ANH_K45
2	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.10	46	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐPT_K45A2
3	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.11	45	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐPT_K45A3
4	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.12	44	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TRUYENHINH_K45A1
5	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.13	50	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TRUYENHINH_K45A2
6	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.2	46	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	BAOIN_K45
7	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.3	43	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	MĐT_K45A1
8	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.4	46	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	MĐT_K45A2
9	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.5	49	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	PHATTHANH_K45
10	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.6	38	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QUAYPHIM_K45
11	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.7	48	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐC_K45A1
12	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.8	46	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐC_K45A2
13	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	BC03840_1.26_K45.9	47	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐPT_K45A1
14	CN02062	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	CN02062_1.26_K45.1	42	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	CNXHKH_K45
15	CT02052	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	CT02052_1.26_K45.1	54	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	CTPT_K45
16	CT02052	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	CT02052_1.26_K45.2	40	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLC_K45A1
17	CT02052	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	CT02052_1.26_K45.3	35	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLC_K45A2
18	KT02413	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	KT02413_1.26_K45.1	47	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLKT_45A1
19	KT02413	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	KT02413_1.26_K45.2	39	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLKT_45A2
20	KT02413	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	KT02413_1.26_K45.3	43	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLKT_45A3
21	KT02706	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	KT02706_1.26_K45.1	41	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	KTCT_K45
22	LS02505	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	LS02505_1.26_K45.1	37	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	LSD_K45
23	NP03203	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	NP03203_1.26_K45.1	45	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLNN_K45A1
24	NP03203	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	NP03203_1.26_K45.2	48	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QLNN_K45A2



25	QQ02701	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QQ02701_1.26_K45.1	41	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTMKT_K45A1
26	QQ02701	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QQ02701_1.26_K45.2	45	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTMKT_K45A2
27	QQ42002	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	QQ42002_1.26_K45.1	53	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QHCC_K45
28	QQ42002	Thực tế kinh tế - xã hội	2,00	QQ42002_1.26_K45.2	40	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QUANGCAO_K45
29	QT02612	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QT02612_1.26_K45.1	39	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTQT_K45
30	QT02702	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QT02702_1.26_K45.1	38	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QHQT&TTTC_K45
31	QT40220	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QT40220_1.26_K45.1	45	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	QHCT&TTQT_K45
32	QT40224	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	QT40224_1.26_K45.1	43	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTĐN_K45
33	TM02010	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	TM02010_1.26_K45.1	35	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TRIET_K45
34	TT02052	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	TT02052_1.26_K45.1	44	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	CTTT_K45A1
35	TT02052	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	TT02052_1.26_K45.2	49	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	CTTT_K45A2
36	TT02060	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	TT02060_1.26_K45.1	63	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTCS_K45
37	TH02030	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	TH02030_1.26_K45.1	44	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	TTHCM_K45
38	XB02811	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XB02811_1.26_K45.1	51	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	XBĐT_K45
39	XB42042	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XB42042_1.26_K45.1	49	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	BTXB_K45
40	XD02406	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XD02406_1.26_K45.1	44	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	XDD_K45A1
41	XD02406	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XD02406_1.26_K45.2	44	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	XDD_K45A2
42	XH02705	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XH02705_1.26_K45.1	39	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	CTXH_K45
43	XH42050	Thực tế chính trị - xã hội	2,00	XH42050_1.26_K45.1	38	08h00-11h00	25/9/2026	VP Khoa	XHH_K45
44	BC03159	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	BC03159_1.26_K44.1	51	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	ANH_K44
45	BC03003	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	BC03003_1.26_K44.1	47	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	BAOIN_K44
46	XB44001	Kiến tập nghề nghiệp (năm thứ ba)	4,00	XB44001_1.26_K44.1	59	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	BTXB_K44
47	CT03090	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	CT03090_1.26_K44.1	67	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	CTPT_K44
48	TT03374	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	TT03374_1.26_K44.1	54	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	CTTT_K44A1
49	TT03374	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	TT03374_1.26_K44.2	52	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	CTTT_K44A2
50	XH03036	Kiến tập	2,00	XH03036_1.26_K44.1	49	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	CTXH_K44
51	KT03201	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	KT03201_1.26_K44.1	45	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	KTCT_K44
52	LS03224	Kiến tập nghề nghiệp	2,00	LS03224_1.26_K44.1	58	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	LSD_K44
53	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.1	55	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	MĐT_K44A1
54	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.2	56	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	MĐT_K44A2
55	NN44001	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	NN44001_1.26_K44.1	49	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	NNA_K44
56	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.3	55	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	PHATTHANH_K44
57	QQ44001	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QQ44001_1.26_K44.1	53	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QHCC_K44
58	QT43607	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QT43607_1.26_K44.1	52	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QHCT&TTQT_K44
59	QT03001	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	QT03001_1.26_K44.1	47	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QHQT&TTTC_K44
60	CT03303	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	CT03303_1.26_K44.1	46	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLC_K44A1
61	CT03303	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	CT03303_1.26_K44.2	38	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLC_K44A2

62	KT03202	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	KT03202_1.26_K44.1	47	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLKT_K44A1
63	KT03202	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	KT03202_1.26_K44.2	39	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLKT_K44A2
64	KT03202	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	KT03202_1.26_K44.3	43	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLKT_K44A3
65	NP03310	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	NP03310_1.26_K44.1	48	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLNN_K44A1
66	NP03310	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	NP03310_1.26_K44.2	54	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QLNN_K44A2
67	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.4	39	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QPTH_K44
68	QQ44002	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QQ44002_1.26_K44.1	43	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	QUANGCAO_K44
69	TT03374	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	TT03374_1.26_K44.3	55	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTCS_K44
70	BC03002	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	BC03002_1.26_K44.1	53	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐC_K44A1
71	BC03002	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	BC03002_1.26_K44.2	53	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐC_K44A2
72	QT43607	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QT43607_1.26_K44.2	48	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐN_K44
73	BC03001	Thực tập nghiệp vụ	3,00	BC03001_1.26_K44.1	49	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐPT_K44A1
74	BC03001	Thực tập nghiệp vụ	3,00	BC03001_1.26_K44.2	52	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐPT_K44A2
75	BC03001	Thực tập nghiệp vụ	3,00	BC03001_1.26_K44.3	48	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTĐPT_K44A3
76	QQ03356	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QQ03356_1.26_K44.1	47	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTMKT_K44A1
77	QQ03356	Kiến tập nghề nghiệp	4,00	QQ03356_1.26_K44.2	44	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTMKT_K44A2
78	QT02613	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	QT02613_1.26_K44.1	53	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTQT_K44
79	TH03001	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	TH03001_1.26_K44.1	35	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TTHCM_K44
80	TM03032	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	TM03032_1.26_K44.1	40	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TRIET_K44
81	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.5	49	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TRUYENHINH_K44A1
82	PT03138	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3,00	PT03138_1.26_K44.6	52	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	TRUYENHINH_K44A2
83	XB03732	Kiến tập nghề nghiệp (năm thứ ba)	3,00	XB03732_1.26_K44.1	56	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	XBĐT_K44
84	XD03331	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	XD03331_1.26_K44.1	46	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	XDĐ_K44A1
85	XD03331	Kiến tập nghề nghiệp	3,00	XD03331_1.26_K44.2	43	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	XDĐ_K44A2
86	XH43050	Kiến tập	4,00	XH43050_1.26_K44.1	59	08h00-11h00	06/11/2026	VP Khoa	XHH_K44

T/L GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG



Trần Văn Thư